

Môn: Sinh học – Khối: 11  
Thời gian: 45 phút

I. HÌNH THỨC KIỂM TRA: TỰ LUẬN ( 15 phút) + TRẮC NGHIỆM (30 phút)

Đề thi gồm 3 câu hỏi tự luận ( 3 điểm) + 28 câu hỏi trắc nghiệm khách quan (7 điểm).

II.NỘI DUNG KIẾN THỨC: CHỦ ĐỀ 1: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT (BÀI 4 + 5+ 6+ 7+ 8)

| STT          | NỘI DUNG KIẾN THỨC                | Mức độ nhận thức |      |            |      |          |      |              |    | Tổng % điểm             |
|--------------|-----------------------------------|------------------|------|------------|------|----------|------|--------------|----|-------------------------|
|              |                                   | Nhận biết        |      | Thông hiểu |      | Vận dụng |      | Vận dụng cao |    |                         |
|              |                                   | TL               | TNKQ | TL         | TNKQ | TL       | TNKQ | TNKQ         | TL |                         |
| 1            | Quang hợp ở thực vật              | 2                |      |            |      |          |      |              |    | 17,5 %                  |
| 2            | Hô hấp ở thực vật                 | 1                |      |            |      |          |      |              |    | 12,5 %                  |
| 3            | Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật |                  | 2    |            | 4    |          | 2    |              |    | 20 %                    |
| 4            | Hô hấp ở động vật                 |                  | 1    |            | 5    |          | 3    |              |    | 22,5 %                  |
| 5            | Hệ tuần hoàn ở động vật           |                  | 1    |            | 3    |          | 3    |              | 4  | 27,5 %                  |
| Tổng số câu  |                                   | 3                | 4    |            | 12   |          | 8    |              | 4  | 3 câu TL<br>28 câu TNKQ |
| Tỉ lệ % điểm |                                   | 40%              |      | 30%        |      | 20%      |      | 10%          |    | 100%                    |
| Tỉ lệ chung  |                                   | 70%              |      |            |      | 30%      |      |              |    | 100%                    |